

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG TỀ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HSST

Ngày: 19/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TỀ, TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lý Ngọc Sáng; Bà Lý Thị The

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết, Thư ký Toà án nhân dân huyện Muờng tề, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng tề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân, kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng tề, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/HSST, ngày 18 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lù Văn B - Tên gọi khác: không; sinh năm: 2001; sinh tại: xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi thường trú: Bản N, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Tự do; Đảng, đoàn: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lù Văn T - Sinh năm: 1972, Con bà: Đào Thị H - 1973. Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/8/2021 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Mạnh Hùng, trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu - Có mặt

* Bị hại: anh Lò Văn Th - sinh năm: 2000. Địa chỉ: bản N, xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu - Vắng mặt

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh: Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1993. Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu - Vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Anh: Nguyễn Văn S - sinh năm: 1993; Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu - Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn N - sinh năm: 1993; Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 24/7/2021, Lù Văn B, sinh năm 2001 điều khiển xe mô tô Honda Ariblade màu đỏ, đen, trắng Biển kiểm soát 25M1 - 10771 đi từ nhà Bàng tại bản Nà Phầy, xã Vàng San, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu đi xuống thị trấn Mường Tè mua đồ dùng cá nhân. Khi B đi đến khu vực bản Bum, B thấy một chiếc xe Ariblade màu đen, xám. B nảy sinh ý định cạy cốp xe để xem có tài sản thì lấy, B tiến lại chiếc xe mô tô, dùng tay kéo phần giữa bên phải yên xe tạo thành khoảng trống, tay phải đưa vào trong cốp xe lấy được 01 chiếc điện thoại IPHONE 11 Promax, dung lượng 64 GB, màu vàng. Lấy được điện thoại, B tắt nguồn rồi cho vào trong túi quần B đang mặc tiếp tục điều khiển xe đi xuống thị trấn Mường Tè. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày 24/7/2021, B đi về nhà, khi về đến nhà, B cất giấu chiếc điện thoại trộm cắp được để ở đầu giường ngủ của B, không cho ai biết. Đến khoảng 09 giờ ngày 26/7/2021, B cầm chiếc điện thoại IPHONE 11 Promax trộm cắp được đi xuống quán sửa điện thoại của anh Nguyễn Văn S, tại khu phố 7, thị trấn Mường Tè, để mở mặt khóa, nhưng anh S không mở được. B tiếp tục đi đến quán sửa điện thoại của anh Nguyễn Văn H, tại đây B có hỏi để mở mặt khóa điện thoại, nhưng anh H bảo không mở được. Qua trao đổi, B đã bán cho anh H chiếc điện thoại với giá 6.500.000 đồng, nhưng do anh H có việc bận, nên Nguyễn Văn N là nhân viên bán hàng của anh H đã trả tiền cho B. **Bán được điện thoại B mua đồ hết 2.000.000 đồng, số còn lại B cất giấu.** Đến ngày 27/7/2021, khi B bị cơ quan Công an xã Bum Nưa triệu tập đến làm việc, B đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại nói trên và đã giao nộp số tiền 4.500.000 đồng còn lại (*tiền bán chiếc điện thoại trộm cắp*).

Qua định giá tài sản tại bản Kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐGTS, ngày 01/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Tè đã kết luận: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 Promax, dung lượng 64 GB, màu vàng (*đã qua sử dụng*) gửi đến định giá, có giá trị là 17.280.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 88/CT-VKS -MT, ngày 16 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đã truy tố bị cáo Lù Văn B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lù Văn B phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 50 BLHS. Xử phạt bị cáo Lù Văn B 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định; Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 4.500.000 đồng tiền do phạm tội mà có; Trả lại cho bị cáo Lù

Văn Bằng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Ariblade màu đỏ - đen - trắng, BKS 25M1- 107.71.

Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn B, trình bày luận cứ bào chữa, người bào chữa nhất trí với luận tội của kiểm sát viên. Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 36 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo ở mức cải tạo không giam giữ, đồng thời đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Ariblade màu đỏ - đen - trắng, BKS 25M1- 107.71, là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lù Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Bị cáo nhất trí ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung; Bị cáo nhất trí luận tội và đề nghị của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo chỉ có ý kiến, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo có cơ hội được ở nhà không phải đi tù, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo hứa sẽ không vi phạm nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công điều tra, truy tố trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, vì mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 09 giờ ngày 24/7/2021, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu, Lù Văn B đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động IPHONE 11 Promax, dung lượng 64 GB, màu vàng (*đã qua sử dụng*) có giá trị 17.280.000 đồng của anh Lò Văn Th, sinh năm 2000; trú tại: bản Nà Lang, xã Bum Nua, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Như vậy, hành vi của Lù Văn B đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Do vậy, Cáo trạng số: 88/CT-VKS-MT, ngày 16 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố

đối với bị cáo Lù Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định " *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

[3] Về tính chất, mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật hình sự bảo vệ, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi của mình đã thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thấy rằng, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã chủ động bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, tuổi còn trẻ, nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây các là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuổi đời còn trẻ, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có cơ hội cải tạo, sửa chữa trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo chưa có việc làm ổn định, chưa có thu nhập, sống phụ thuộc vào bố mẹ, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn H là người mua lại chiếc điện thoại của Lù Văn B trộm cắp, nhưng khi mua anh H không biết đây là tài sản mà B trộm cắp, nên không xử lý trách nhiệm đối với anh H là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng còn lại là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Ariblade màu đỏ - đen - trắng, BKS 25M1- 107.71 có số khung 6317KZ055747, số máy JF63E2685472 (xe đã qua sử dụng) đây là tài sản hợp pháp của Lù Văn B, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải trả lại cho bị cáo Lù Văn B. Đối với số tiền 4.500.000 đồng tiền Việt Nam đang lưu hành gồm: 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại: Anh Lò Văn Th, vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra, anh đã nhận lại tài sản bị mất và đã được bị cáo bồi thường, anh không có yêu cầu bồi thường thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn H là người mua lại chiếc điện thoại của Lù Văn B trộm cắp với giá là 6.500.000 đồng, Cơ quan điều tra đã thu giữ trả lại cho chủ sở hữu, trong quá trình điều tra bị cáo đã chủ động bồi thường cho anh H 6.500.000 đồng, tại phiên tòa anh H vắng mặt, không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Lù Văn B phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Từ những phân tích, đánh giá trên, xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và ý kiến của người bào chữa là có căn cứ cần phải chấp nhận. Đối với ý kiến của người bào chữa đề nghị miễn án phí cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo tuy là người dân tộc thiểu số, nhưng bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ, nên không có căn cứ nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 50 BLHS và điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí.

1. Tuyên bố bị cáo Lù Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Lù Văn Bằng 01 năm cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ khi UBND xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định Thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục. Trường hợp Lù Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lù Văn B.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 4.500.000 đồng tiền Việt Nam đang lưu hành gồm: 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Lù Văn B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Ariblade màu đỏ - đen - trắng, BKS 25M1- 107.71 có số khung 6317KZ055747, số máy JF63E2685472 (xe đã qua sử dụng).

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, theo biên bản giao nhận vật chứng số: 23, ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

3. Về án phí: Bị cáo Lù Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đỗ Mạnh Trang